

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
TỰ VẤN
SÔNG
ĐÀ

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN TỰ VẤN
SÔNG ĐÀ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Quận Thanh Xuân,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TỰ VẤN SÔNG ĐÀ,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0100105454
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2026.08.21 10:23:
20+07'00'
Foxit Reader Version:
10.1.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN
TỰ VẤN SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	12- 37



THÔNG TIN CHUNG**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 28 tháng 7 năm 2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 8 542 209
- Fax : 0243 8 545 855

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Khu B, Nhà G10, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trịnh Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Nguyễn Khánh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Văn Duẩn - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Đình Văn Duẩn

Ngày 19 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0556/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Nguyễn Hoàng Đức - Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.169.211.909	69.095.532.141
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.203.241.348	10.750.861.844
1. Tiền	111	V.1	6.203.241.348	10.750.861.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.317.424.270	5.990.158.515
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	5.317.424.270	5.990.158.515
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.292.244.509	35.771.079.644
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	52.800.304.772	55.041.473.321
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		279.253.435	74.710.435
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4a	10.457.598.241	9.760.388.746
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(29.244.911.939)	(29.105.492.858)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		23.781.397.218	16.120.141.529
1. Hàng tồn kho	141	V.6	23.781.397.218	16.120.141.529
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		574.904.564	463.290.609
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		219.862.217	153.214.649
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		355.042.347	310.075.960
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.472.098.653	23.705.746.404
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.283.291.005	14.935.248.286
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	17.216.291.005	14.861.248.286
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.4b	67.000.000	74.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.440.379.568	5.821.173.020
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.440.379.568	5.821.173.020
- Nguyên giá	222		19.217.619.165	20.132.724.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.777.239.597)	(14.311.551.597)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		765.226.547	801.805.063
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	1.837.000.000	1.837.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	2.950.134.564	2.950.134.564
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(4.021.908.017)	(3.985.329.501)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		1.983.201.533	2.147.520.035
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		1.983.201.533	2.147.520.035
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		95.641.310.562	92.801.278.545

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		46.230.410.358	42.464.861.531
I. Nợ ngắn hạn	310		41.452.237.771	37.369.288.944
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8a	907.695.130	1.782.493.002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	19.707.217.545	19.295.140.601
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.10	1.304.824.000	1.304.824.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.11	432.736.104	520.333.137
5. Phải trả người lao động	315		14.667.277.557	8.752.034.230
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		61.560.000	57.000.000
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.12a	2.036.459.990	2.512.033.863
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.13a	1.269.485.178	2.377.877.844
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.14	1.064.982.267	767.552.267
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.778.172.587	5.095.572.587
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.8b	2.943.222.587	2.943.222.587
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.12b	415.000.000	415.000.000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.13b	1.419.950.000	1.737.350.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.410.900.204	50.336.417.014
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.15	12.675.018.712	8.502.618.712
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	V.15	(620.000)	(620.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	9.315.058.313	13.487.458.313
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.15	1.324.343.179	2.249.859.989
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		245.035.989	2.249.859.989
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		1.079.307.190	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		95.641.310.562	92.801.278.545

Người lập biểu



Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng



Lê Minh Quyết

Phê duyệt, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật


Đinh Văn Dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.340.334.304	25.210.205.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.340.334.304	25.210.205.604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26.794.594.719	19.159.228.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.545.739.585	6.050.976.783
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		30.876.256	105.137.431
8. Chi phí tài chính	23		189.110.886	286.243.331
Trong đó: chi phí đi vay	24		151.177.850	171.379.738
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	6.036.462.236	5.145.049.726
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.351.042.719	724.821.157
12. Thu nhập khác	31		6.183.334	181.574.074
13. Chi phí khác	32		473.652	620.318
14. Lợi nhuận khác	40		5.709.682	180.953.756
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.356.752.401	905.774.913
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	277.445.211	181.279.046
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.079.307.190	724.495.867
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.4	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Phạm Minh Thuận

Lê Minh Quyết



Đinh Văn Dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.356.752.401	905.774.913
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	670.793.452	517.611.513
- Các khoản dự phòng	03		175.997.597	114.863.593
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.354.520	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(31.175.642)	(268.407.387)
- Chi phí đi vay	06		151.177.850	171.379.738
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.324.900.178	1.441.222.370
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.055.537.052)	28.483.915
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.661.255.689)	(7.776.274.447)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.980.155.587	4.518.257.359
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		97.670.934	(648.609.627)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(151.177.850)	(170.023.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(363.689.305)	(92.352.470)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.14	(402.570.000)	(173.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.231.503.197)	(2.873.096.700)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(290.000.000)	(400.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.183.334	88.981.481
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.175.867.011	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.859.542	59.338.605
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		413.909.887	(252.079.914)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.13	634.685.178	1.930.494.612
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(2.060.477.844)	(2.091.791.437)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.730.616.666)	(1.466.120.825)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.548.209.976)	(4.591.297.439)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.750.861.844	8.136.596.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		589.480	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.203.241.348	3.545.299.281

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Minh Thuận



Lê Minh Quyết



Đinh Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà có trụ sở chính tại thôn Lại Xá, xã Thanh Hà, thành phố Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 73,5%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Khu B, Nhà G10, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 148 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 164 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán "SDC" theo Quyết định số 53/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 12 năm 2006. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 2.609.710 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng và các đơn vị trực thuộc được phân cấp lập Báo cáo tài chính. Các giao dịch nội bộ, số dư nội bộ giữa Văn phòng và các đơn vị trực thuộc, giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận vào đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở dang} & + & \text{kinh doanh phát sinh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: Giá vốn hàng bán của công trình được xác định bằng doanh thu ghi nhận trong kỳ nhân với (x) tỷ lệ khoán chi phí của công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng công trình có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định

Chi phí thuê hoạt động quyền sử dụng đất, văn phòng làm việc phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước.

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Phải trả cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ tức ưu đãi được xử lý theo bản chất phân loại của cổ phiếu ưu đãi: trường hợp cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức tương ứng không được ghi nhận từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trường hợp được phân loại là vốn chủ sở hữu, cổ tức ưu đãi được xử lý tương tự cổ tức cổ phiếu phổ thông. Khi ghi nhận nghĩa vụ chi trả, cổ tức phải trả bằng tiền được hạch toán vào "Phải trả cổ tức, lợi nhuận" và được trình bày là nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu. Trường hợp mua lại với mục đích hủy bỏ ngay lập tức, giá trị được ghi giảm trực tiếp vào vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn. Khi tái phát hành, trị giá vốn cổ phiếu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá vốn bình quân được ghi vào thặng dư vốn.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty con và các công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty (bao gồm Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

Các khoản tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	170.482.079	45.984.156
Tiền gửi không kỳ hạn	6.032.759.269	10.704.877.688
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	4.097.038.595	3.215.326.776
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.773.903.146	7.407.515.969
Các ngân hàng, tổ chức khác	161.817.528	82.034.943
Cộng	6.203.241.348	10.750.861.844

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng, có giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3.900.000.000	-	5.075.867.011	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	717.424.270	-	214.291.504	-
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	700.000.000	-	700.000.000	-
Cộng	5.317.424.270	-	5.990.158.515	-

Toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.13).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.837.000.000	(1.621.908.017)	1.837.000.000	(1.585.329.501)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà ⁽ⁱ⁾	1.837.000.000	(1.621.908.017)	1.837.000.000	(1.585.329.501)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.950.134.564	(2.400.000.000)	2.950.134.564	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie ⁽ⁱⁱ⁾	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà ⁽ⁱⁱⁱ⁾	550.134.564	-	550.134.564	-
Cộng	4.787.134.564	(4.021.908.017)	4.787.134.564	(3.985.329.501)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800921560 thay đổi lần thứ 6 ngày 09 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng) cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà là 2.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đầu tư vào Công ty này 1.837.000.000 VND, tương đương 183.700 cổ phần, chiếm 73,5% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie thông qua hoạt động ủy thác đầu tư cho Tổng công ty Sông Đà – CTCP, số tiền 2.400.000.000 VND. Khoản đầu tư này đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.
- (iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 88.034 cổ phiếu, tương đương 0,88% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (số đầu năm là 88.034 cổ phiếu, tương đương 0,88% vốn điều lệ).

Giá trị có thể thu hồi

Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con vẫn đang tiếp tục bị lỗ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với công ty con

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.985.329.501	3.794.712.247
Trích lập dự phòng bổ sung	36.578.516	114.863.593
Số cuối kỳ	4.021.908.017	3.909.575.840

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	28.142.675.506	(13.622.268.436)	29.354.084.648	(13.550.398.388)
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	4.746.882.646	(4.169.424.085)	4.746.882.646	(4.169.424.085)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.137.896.478	(3.137.896.478)	3.157.896.478	(3.157.896.478)
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	665.692.938	(364.201.257)	865.692.938	(504.150.312)
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	925.975.381	-	925.975.381	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.362.550.689	-	3.862.981.511	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.155.385.775	(293.594.685)	3.155.385.775	(193.276.485)
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	2.403.769.605	(460.931.109)	2.454.761.043	(460.931.109)
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	3.093.831.543	(319.800.672)	3.369.604.277	(199.787.774)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	-	114.675.764	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sesan 3A	19.489.226	-	90.878.472	-
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	17.582.000	(11.488.005)	17.582.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	338.416.876	(338.416.876)	338.416.876	(338.416.876)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	36.891.652	-	36.891.652	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	(4.358.300.616)	5.605.812.092	(4.358.300.616)
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	464.283.952	-	442.433.090	-
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	168.214.653	(168.214.653)	168.214.653	(168.214.653)
Phải thu các khách hàng khác	24.657.629.266	(10.562.044.338)	25.687.388.673	(10.494.495.305)
Cộng	52.800.304.772	(24.184.312.774)	55.041.473.321	(24.044.893.693)

Lý do trích lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Xem Thuyết minh V.5

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	11.343.288.268	-	9.248.762.511	-
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.357.750.093	-	2.357.750.093	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.612.423.677	-	3.512.027.512	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	244.562.929	-	244.562.929	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	135.299.860	-	109.244.833	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.327.435.726	-	1.243.108.802	-
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	10.586.000	-	10.586.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sesan 3A	27.639.534	-	27.639.534	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	716.265.675	-	716.265.675	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	-	855.860.755	-
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	166.100.978	-	166.100.978	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	14.563.541	-	5.615.400	-
Phải thu các khách hàng khác	5.747.802.237	-	5.612.485.775	-
Cộng	17.216.291.005	-	14.861.248.286	-

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	7.375.437.958	(5.060.599.165)	7.375.437.958	(5.060.599.165)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - phải thu về lãi cho vay	7.375.437.958	(5.060.599.165)	7.375.437.958	(5.060.599.165)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.082.160.283	-	2.384.950.788	-
Tạm ứng	2.141.996.421	-	1.227.293.008	-
Ký cược, ký quỹ	815.725.025	-	989.590.048	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	124.438.837	-	168.067.732	-
Cộng	10.457.598.241	(5.060.599.165)	9.760.388.746	(5.060.599.165)

4b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Các bên liên quan - phải thu tiền bán hàng	20.765.495.337	(13.622.268.436)	21.018.904.775	(13.550.398.388)
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	4.169.424.085	(4.169.424.085)	4.169.424.085	(4.169.424.085)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.137.896.478	(3.137.896.478)	3.157.896.478	(3.157.896.478)
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	665.692.938	(364.201.257)	865.692.938	(504.150.312)
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.155.385.775	(293.594.685)	3.155.385.775	(193.276.485)
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	2.403.769.605	(460.931.109)	2.454.761.043	(460.931.109)
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.103.300.835	(319.800.672)	1.103.300.835	(199.787.774)
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	17.582.000	(11.488.006)		-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	338.416.876	(338.416.876)	338.416.876	(338.416.876)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	(4.358.300.616)	5.605.812.092	(4.358.300.616)
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	168.214.653	(168.214.653)	168.214.653	(168.214.653)
Các bên liên quan - phải thu lãi cho vay	5.060.599.165	(5.060.599.165)	5.060.599.165	(5.060.599.165)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.060.599.165	(5.060.599.165)	5.060.599.165	(5.060.599.165)
Các tổ chức và cá nhân khác - phải thu tiền bán hàng	11.862.887.950	(10.562.044.338)	11.687.320.105	(10.494.495.305)
Cộng	37.688.982.452	(29.244.911.939)	37.766.824.045	(29.105.492.858)

Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo thời gian nợ quá hạn (xem Thuyết minh IV.5). Công ty không xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ này do không có đầy đủ thông tin cập nhật về tình hình tài chính, khả năng thanh toán của khách nợ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	29.105.492.858	28.591.489.154
Trích lập dự phòng bổ sung	431.238.184	-
Hoàn nhập dự phòng	(291.819.103)	-
Số cuối kỳ	29.244.911.939	28.591.489.154

6. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.788.013.550	8.072.971.995	6.052.813.272	218.925.800	20.132.724.617
Mua trong kỳ	-	290.000.000	-	-	290.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	(1.205.105.452)	-	-	(1.205.105.452)
Số cuối kỳ	5.788.013.550	7.157.866.543	6.052.813.272	218.925.800	19.217.619.165
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.788.013.550	2.276.359.303	2.203.040.182	218.925.800	10.486.338.835
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.788.013.550	4.900.435.957	3.404.176.290	218.925.800	14.311.551.597
Khấu hao trong kỳ	-	398.460.688	272.332.764	-	670.793.452
Thanh lý nhượng bán	-	(1.205.105.452)	-	-	(1.205.105.452)
Số cuối kỳ	5.788.013.550	4.093.791.193	3.676.509.054	218.925.800	13.777.239.597
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	3.172.536.038	2.648.636.982	-	5.821.173.020
Số cuối kỳ	-	3.064.075.350	2.376.304.218	-	5.440.379.568
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tòa nhà văn phòng G9	5.127.128.571	(5.127.128.571)	-
Xe ô tô Camry	1.466.352.727	(458.235.240)	1.008.117.487
Xe ô tô bán tải (29K-251.87)	761.326.545	(95.165.820)	666.160.725
Xe ô tô bán tải (30M-181.97)	761.326.545	(95.165.820)	666.160.725
Tài sản cố định hữu hình khác	11.101.484.777	(8.001.544.146)	3.099.940.631
Cộng	19.217.619.165	(13.777.239.597)	5.440.379.568

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đã thanh lý trong kỳ như sau :

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Giá thanh lý
Máy kéo nén 100T	228.500.000	(228.500.000)	-	1.000.000
Máy khoan XY-1A-4	164.180.000	(164.180.000)	-	1.000.000
Máy khoan XY-1A-4	164.180.000	(164.180.000)	-	1.000.000
Máy toàn đạc điện tử TCR-407	178.350.000	(178.350.000)	-	100.000
Tời kéo JM10 Trung quốc	143.760.000	(143.760.000)	-	1.000.000
Các tài sản cố định khác	326.135.452	(326.135.452)	-	2.250.000
Cộng	1.205.105.452	(1.205.105.452)	-	6.350.000

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.805.854.729 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Phải trả người bán

8a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>332.450</i>	<i>332.450</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	332.450	332.450
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>907.362.680</i>	<i>1.782.160.552</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật SD	-	523.908.000
Xí nghiệp Dịch vụ Thiết bị vật tư	580.000	453.066.500
Trung tâm Ứng dụng và Phát triển công nghệ Đo đạc bản đồ	109.911.183	109.911.183
Các nhà cung cấp khác	796.871.497	695.274.869
Cộng	907.695.130	1.782.493.002

8b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	330.516.000	330.516.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	431.457.562	431.457.562
Viện thiết kế Thủy công Côn Minh	1.762.430.942	1.762.430.942
Các nhà cung cấp khác	418.818.083	418.818.083
Cộng	2.943.222.587	2.943.222.587

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>2.639.689.804</i>	<i>2.513.470.176</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	1.482.877	121.482.877
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.015.688.938	1.846.294.462
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	129.519.000	116.401.500
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	285.907.081	380.599.429
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sesan 3A	207.091.908	48.691.908
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>17.067.527.741</i>	<i>16.781.670.425</i>
VPG Lao - Viet Sole Company Limited	5.509.770.000	5.509.770.000
Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn	3.431.957.797	2.669.993.337
Các khách hàng khác	8.125.799.944	8.601.907.088
Cộng	19.707.217.545	19.295.140.601

10. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả cho bên liên quan - Tổng công ty Sông Đà - CTCP	665.550.000	665.550.000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác	639.274.000	639.274.000
Cộng	1.304.824.000	1.304.824.000

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 5% vốn góp. Thời hạn thanh toán cổ tức dự kiến là ngày 30 tháng 10 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	265.472.961	327.414.723	(335.104.418)	257.783.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp	233.689.305	277.445.211	(363.689.305)	147.445.211
Thuế thu nhập cá nhân	21.170.871	271.199.952	(287.792.647)	4.578.176
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	127.658.048	(104.728.597)	22.929.451
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	473.652	(473.652)	-
Cộng	520.333.137	1.004.191.586	(1.091.788.619)	432.736.104

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước từ 8 - 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.356.752.401	905.774.913
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	30.473.652	620.315
- Các khoản điều chỉnh tăng	30.473.652	620.315
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	1.387.226.053	906.395.228
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	277.445.211	181.279.046
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	277.445.211	181.279.046

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức tiền thuê như sau:

Tại khu đất G9, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội đang sử dụng làm trụ sở Công ty

Từ ngày 20/5/2023 đến hết ngày 19/5/2028: Đơn giá thuê đất là 476.358 VND/m²/năm tính cho toàn bộ diện tích đất 966,4 m².

Tại phường Hoà Bình, tỉnh Phú Thọ

- Diện tích đất 720,7m²: Đơn giá thuê đất là 83.200 VND/m²/năm;

- Diện tích đất 50,0 m²: Đơn giá thuê đất là 66.560 VND/m²/năm.

Công ty được giảm 30% tiền thuê đất năm 2025 theo qui định tại Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025 của Chính phủ, số tiền giảm là 157.092.895 VND. Số giảm tiền thuê đất này được trừ vào tiền thuê đất phải nộp kỳ 1 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả khác**12a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	288.518.742	357.760.791
Bảo hiểm xã hội	355.395	-
Tiền mượn của cán bộ, công nhân viên	1.103.618.473	1.268.618.473
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	643.967.380	885.654.599
Cộng	2.036.459.990	2.512.033.863

12b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ.

13. Vay**13a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	634.685.178	1.743.077.844
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)	634.800.000	634.800.000
Cộng	1.269.485.178	2.377.877.844

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty, hạn mức vay tối đa không vượt quá 7.000.000.000 VND. Lãi suất vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh V.2a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Kỳ này			
Số đầu năm	1.743.077.844	634.800.000	2.377.877.844
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	634.685.178	-	634.685.178
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	317.400.000	317.400.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.743.077.844)	(317.400.000)	(2.060.477.844)
Số cuối kỳ	634.685.178	634.800.000	1.269.485.178
Kỳ trước			
Số đầu năm	1.873.391.437	436.800.000	2.310.191.437
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.930.494.612	-	1.930.494.612
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	218.400.000	218.400.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.873.391.437)	(218.400.000)	(2.091.791.437)
Số cuối kỳ	1.930.494.612	436.800.000	2.367.294.612

13b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	786.450.000	1.004.850.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông ⁽ⁱⁱ⁾	633.500.000	732.500.000
Cộng	1.419.950.000	1.737.350.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng sau:

Ngày	Mục đích	Số tiền vay	Lãi suất/năm
Hợp đồng ngày 01/07/2024	thanh toán tiền mua máy móc thiết bị	834.000.000 VND	6,8%-12,5%
Hợp đồng ngày 24/04/2024	thanh toán tiền mua máy móc thiết bị	507.000.000 VND	6,8%-12,5%
Hợp đồng ngày 06/02/2024	mua xe ô tô Toyota Camry	843.000.000 VND	6,8%

- (ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Đông theo Hợp đồng ngày 02 tháng 12 năm 2025 để mua 2 xe ô tô Ford Ranger, số tiền vay là 980.000.000 VND, lãi suất cố định trong 6 tháng đầu là 7,5%/năm, sau đó điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 3.5%.

Các khoản vay đều có thời hạn 05 năm và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	634.800.000	634.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.419.950.000	1.737.350.000
Cộng	2.054.750.000	2.372.150.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.737.350.000	1.441.650.000
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(317.400.000)	(218.400.000)
Số cuối kỳ	1.419.950.000	1.223.250.000

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	761.552.267	700.000.000	(402.570.000)	1.058.982.267
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành	6.000.000	-	-	6.000.000
Cộng	767.552.267	700.000.000	(402.570.000)	1.064.982.267

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước						
Số dư đầu năm	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	2.065.066.434	50.151.623.459
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	724.495.867	724.495.867
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
Số dư cuối kỳ	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	784.738.301	48.871.295.326

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ này						
Số dư đầu năm	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	2.249.859.989	50.336.417.014
Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	4.172.400.000	-	(4.172.400.000)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.079.307.190	1.079.307.190
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
Số dư cuối kỳ	26.097.100.000	12.675.018.712	(620.000)	9.315.058.313	1.324.343.179	49.410.900.204

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	13.311.000.000	13.311.000.000
Các cổ đông khác	12.786.100.000	12.786.100.000
Cộng	26.097.100.000	26.097.100.000

Trong kỳ Công ty đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 với tỷ lệ 100:16 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 16 cổ phiếu) từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn khác của chủ sở hữu/ghi giảm quỹ đầu tư phát triển 4.172.400.000 VND.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 6412/UBCK-QLCB ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Ngày 28 tháng 7 năm 2026 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 19 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 30.269.500.000 VND.

Số cổ phiếu phát hành để tăng vốn (417.240 cổ phiếu) sẽ được chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán vào ngày 24 tháng 8 năm 2026 theo Thông báo số 3489/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

15c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.609.710	2.609.710
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	2.609.710	2.609.710
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	62	62
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.609.648	2.609.648

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

15d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 16/NQ/2026-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 1.304.824.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

16a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	474.346.340	474.346.340
Trên 1 năm đến 5 năm	1.897.385.360	1.897.385.360
Trên 5 năm	9.788.886.813	10.263.233.153
Cộng	12.160.618.513	12.634.964.853

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 869,9 m2 đất nằm ngoài chỉ giới mở rộng đường, trả tiền thuê đất hàng năm tại phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.
- Tổng số tiền thuê 721,7 m2 đất nằm ngoài chỉ giới mở rộng đường, trả tiền thuê đất hàng năm tại phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động, thời hạn thuê đất đến ngày 19 tháng 6 năm 2033.

Đơn giá thuê đất làm cơ sở lập thuyết minh này được tạm tính theo giá thuê đất năm 2026 (xem thuyết minh V.11).

16b. Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (xem Thuyết minh số V.2a)	5.317.424.270	5.990.158.515	
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng	3.900.000.000	5.075.867.011	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng	717.424.270	214.291.504	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	700.000.000	700.000.000	Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.7)	3.805.854.729	4.238.419.827	
Máy móc thiết bị	1.465.415.792	1.679.446.082	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Phương tiện vận tải	1.008.117.487	1.099.764.535	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Phương tiện vận tải	1.332.321.450	1.459.209.210	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

16c. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền ngoại tệ là 27.387,05 USD (số đầu năm là 15.405,18 USD).

16d. Nợ khó đòi đã xử lý

Là khoản nợ phải thu khách hàng đã xóa nợ, số tiền 40.418.000 VND (số đầu năm: 40.418.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu khảo sát	19.380.338.617	13.182.228.759
Doanh thu thí nghiệm	5.920.734.051	3.633.599.550
Doanh thu tư vấn	8.055.560.865	7.422.886.565
Doanh thu khác	983.700.771	971.490.730
Cộng	34.340.334.304	25.210.205.604

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty con. Các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	82.853.154	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	55.602.727
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	19.455.338.613	12.672.689.538
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	759.263.889	333.333.333
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	888.570.634	1.773.251.192
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	307.796.857	46.296.296
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	-	182.475.874
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	318.000.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn khảo sát	16.067.380.200	10.889.359.378
Giá vốn thí nghiệm	4.298.865.714	2.398.841.759
Giá vốn tư vấn	6.223.239.771	5.709.263.649
Giá vốn khác	205.109.034	161.764.035
Cộng	26.794.594.719	19.159.228.821

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.272.516.885	3.396.779.854
Chi phí vật liệu quản lý	218.743.949	166.541.474
Chi phí đồ dùng văn phòng	115.294.785	152.978.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.445.004	169.030.471
Thuế, phí và lệ phí	217.056.608	335.470.581
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139.419.081	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	352.948.872	273.833.990
Các chi phí khác	575.037.051	650.415.042
Cộng	6.036.462.236	5.145.049.726

4. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.055.315.070	5.255.268.058
Chi phí nhân công	26.998.294.875	20.379.690.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	670.793.452	517.611.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.917.252.842	3.762.041.262
Chi phí khác	1.850.656.405	2.165.942.149
Chênh lệch tăng/giảm hàng tồn kho (chi phí dở dang).	(7.661.255.689)	(7.776.274.447)
Cộng	32.831.056.955	24.304.278.547

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập thực nhận của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Các khoản khác	Thù lao	Cộng
Kỳ này					
Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch HĐQT	283.482.500	25.651.000	-	309.133.500
Đình Văn Duẩn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	260.624.000	27.075.000	19.500.000	307.199.000
Nguyễn Văn Hoảng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	185.150.000	21.726.000	19.500.000	226.376.000
Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT	-	5.000.000	19.500.000	24.500.000
Cù Văn Vinh	Thành viên HĐQT	147.647.084	10.906.000	19.500.000	178.053.084
Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	186.288.500	21.401.000	-	207.689.500
Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	154.745.500	21.776.000	-	176.521.500
Trịnh Thị Anh Đào	Trưởng BKS	-	4.000.000	17.500.075	21.500.075
Nguyễn Khánh Tùng	Thành viên BKS	168.054.048	19.774.000	10.500.046	198.328.094
Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên BKS	-	3.500.000	11.700.000	15.200.000
Cộng		1.385.991.632	160.809.000	117.700.121	1.664.500.753

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Các khoản khác	Thù lao	Cộng
Kỳ trước					
Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch HĐQT	266.047.917	13.000.000	-	279.047.917
Đinh Văn Duẩn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	243.291.288	13.000.000	33.000.000	289.291.288
Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	176.041.667	10.000.000	33.000.000	219.041.667
Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT	-	3.000.000	33.000.000	36.000.000
Cù Văn Vinh	Thành viên HĐQT	124.279.384	3.000.000	33.000.000	160.279.384
Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	174.987.500	10.000.000	-	184.987.500
Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	146.047.917	10.000.000	-	156.047.917
Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng BKS (đến 14/05/2025)	145.895.018	6.000.000	-	151.895.018
Trần Thế Anh	Thành viên BKS (đến 14/05/2025)	-	3.000.000	19.800.000	22.800.000
Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên BKS	-	3.000.000	19.800.000	22.800.000
Cộng		1.276.590.691	74.000.000	171.600.000	1.522.190.691

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Công ty con
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty liên kết của công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
Chia cổ tức	665.550.000	665.550.000
Sử dụng dịch vụ	270.242.671	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.8, V.9 và V.10.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận**2a. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.345.730.946	19.994.603.358	34.340.334.304
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.345.730.946	19.994.603.358	34.340.334.304
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.125.751.596	2.419.987.989	7.545.739.585
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.036.462.236)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.509.277.349
Doanh thu hoạt động tài chính			30.876.256
Chi phí tài chính			(189.110.886)
Thu nhập khác			6.183.334
Chi phí khác			(473.652)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(277.445.211)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.079.307.190
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	997.334.443	-	997.334.443
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.197.178.813	277.525.079	1.474.703.892
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.537.516.066	12.672.689.538	25.210.205.604
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.537.516.066	12.672.689.538	25.210.205.604
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.633.820.329	1.417.156.454	6.050.976.783
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.145.049.726)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			905.927.057
Doanh thu hoạt động tài chính			105.137.431
Chi phí tài chính			(286.243.331)
Thu nhập khác			181.574.074
Chi phí khác			(620.318)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(181.279.046)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			724.495.867
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.460.510.818		1.460.510.818
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	778.159.938	164.714.820	942.874.758

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	54.363.979.594	26.433.332.706	80.797.312.300
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			14.843.998.262
Tổng tài sản			95.641.310.562
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.915.502.581	7.525.458.938	28.440.961.519
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			17.789.448.839
Tổng nợ phải trả			46.230.410.358
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	55.931.863.224	23.016.013.730	78.947.876.954
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			13.853.401.591
Tổng tài sản			92.801.278.545
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	21.601.201.858	7.476.064.462	29.077.266.320
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			13.387.595.211
Tổng nợ phải trả			42.464.861.531

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, thí nghiệm, khảo sát công trình,...

3. Số liệu so sánh**3a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Phải trả cổ tức	313	-	1.304.824.000	1.304.824.000	
Phải trả ngắn hạn khác	320	3.816.857.863	(1.304.824.000)	2.512.033.863	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Nhà G9, Số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/ tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.5 và V.5);
- Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (Thuyết minh IV.2 và V.2b);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh IV.8 và V.7).

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, ngoài sự kiện đã nêu tại Thuyết minh V.15b, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Minh Thuận

Lê Minh Quyết

Đinh Văn Duẩn

